TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án:1145/2017/DS-PT
Ngày: 15 - 12 - 2017
V/v tranh chấp QSHTS, tranh chấp chia tài sản chung và các yêu cầu tranh chấp khác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hồng Ân**

Ông **Ngô Văn Dũng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phan Thị Thu Hiền** - cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 và ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2016/TLPT-DS ngày 14/10/2016 về việc "tranh chấp quyền sở hữu tài sản, tranh chấp chia tài sản chung và các yêu cầu tranh chấp khác".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 208/2016/DSST ngày 19/7/2016 của Toà án nhân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2735/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần T - Sinh năm: 1957 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: 51 đường H, Phường R, Quận U

Địa chỉ tạm trú: Ấp Y, xã L, huyện C, TPHCM

Ủy quyền cho ông Hồ C - sinh 1951 đại diện (Có mặt)

Địa chỉ: 226/211B đường T, Phường E, Quận T, TPHCM

Bị đơn: Ông Trần Th - Sinh năm: 1936

Bà Nguyễn X - sinh 1936

Địa chỉ cư trú : 51 đường H, Phường R, Quận U.

Ủy quyền cho ông Trần Duy Tr - sinh 1968 đại diện (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: 51 đường H, Phường R, Quận U (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2016)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần B, gồm:

- Ông Nguyễn A - sinh 1935 (xin vắng mặt)

- Ông Nguyễn Đ - sinh 1966 (xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị H - Sinh 1969 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: 7/315 Tổ U, khu phố Q, thị xã L, tỉnh Tiền Giang

- Bà Nguyễn Thị C - Sinh 1960 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: 7/316 Tổ U, khu phố Q, thị xã L, tỉnh Tiền Giang

- Ông Nguyễn B - sinh 1957 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: 7/320 Tổ U, khu phố Q, thị xã L, tỉnh Tiền Giang

2. Bà Trần KP - Sinh 1939 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: 121/1C Tổ E, Khu phố Q, Phường W, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

3. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần DT, gồm:

- Bà Trần Thụy TB - sinh 1980 (xin vắng mặt)

- Bà Trần Thị TT - sinh 1978 (xin vắng mặt)

- Bà Trần Thụy TP - sinh 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú : 8/9 Tân Hóa, Phường 1, Quận 11

- Bà Trần Thụy TL - sinh 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh

Địa chỉ liên lạc : 8/9 đường H, Phường Q, Quận QQ

- Bà Trần Thụy TL1 - sinh 1970 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khu phố A, phường M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- Đồng thừa kế của ông Trần TL2, gồm:

+ Bà Lê Ph - Sinh 1980 (xin vắng mặt)

+ Trẻ Trần Thị D - sinh 2004

+ **Trẻ Trần Th** - sinh 2012

Địa chỉ cư trú : 17/14 ấp Q, xã TT, huyện C. Do bà Lê Ph giám hộ đại diện theo pháp luật.

4. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần NS , gồm:

- Bà Nguyễn Thị BP - sinh 1958 (xin vắng mặt)

- Ông Trần Kh - sinh 1993 (xin vắng mặt)

- Bà Trần Ngọc TA - sinh 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú : H 18 Cư xá B, Phường E, Quận Y

5. Ủy ban nhân dân Quận Y

Địa chỉ : 107 đường L, Phường Q , Quận Y

Ủy quyền cho ông Lê XT, sinh 1975 và ông Nguyễn BM đại diện (quyết định ủy quyền số 2764/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 và số 6784/QĐ-UBND ngày 02/11/2017) (Có mặt).

6. Phòng Công chứng số W, TPHCM (xin vắng mặt)
Địa chỉ: 43 đường Q, Phường U, Quận T
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị KT, sinh năm 1978
Địa chỉ liên hệ: 94-96 đường Q, Phường U, Quận T
(Giấy ủy quyền ngày 24/11/2016 của Phòng Công chứng số W, TPHCM)
7. Ông Trần Duy Tr - sinh 1968 (Có mặt)
8. Trẻ Trần Thị KN - sinh ngày 03/9/2000
9. Trẻ Trần DB - sinh ngày 01/01/2003.
Địa chỉ cư trú : 51 đường H, Phường R, Quận Y. Do ông Trần Duy Tr giám hộ, đại diện theo pháp luật (Có mặt)

10. Bà Huỳnh TH - sinh 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú : 51 đường H, Phường 14, Quận 6

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông NQ – Luật sư của Văn phòng luật sư Hồ Trung Hiếu thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Đinh Thị Nh – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bà Nguyễn Thị HA - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần T đề ngày 04/02/2015 và lời khai ở Tòa án đã trình bày:

Cha ông tên Trần Bá Tr và mẹ tên Nguyễn Thị Ng có tất cả 7 người con gồm: Ông Trần Bá Th (chết năm 1948, không vợ con), bà Trần B (chết 1994), ông Trần Th, ông Trần Duy Th (chết năm 1975, không vợ con), bà Trần KP, ông Trần DT (chết năm 2011) và ông Trần T.

Khoảng năm 1955 cha mẹ ông thuê đất của ông B1 và tự cất căn nhà số 51 đường H, Phường 14 Quận 6 để vợ chồng con cái cùng ở, tiền thuê đất cha ông trả cho ông B1 đến năm 1968 thì ngưng. Năm 1957 ông Th cưới vợ là bà Nguyễn X thì đến năm 1969 ông Th sinh được nhiều người con nên xin tách hộ làm hộ khẩu riêng để làm gì thì ông không biết vì thời điểm đó ông còn rất nhỏ, vì vậy ông Th cũng có tờ khai gia đình do chế độ cũ cấp trên đó có hàng chữ ở đậu và cha ông có ký tên, còn cha ông có tờ khai gia đình do chế độ cũ cấp.Cũng từ trước 1975 trong số các con của cha mẹ ông thì ông Th, ông Tr đi lính chế độ cũ, bà B, bà Ph thì có chồng theo chồng về Cai

Lậy, Tiền Giang, nên nhà chỉ còn cha mẹ ông, ông và vợ chồng con cái của ông Trần Th ở. Vừa sau giải phóng khoảng tháng 7/1975 ông cũng chuyển hộ khẩu về Cai Lậy và sinh sống.

Năm 1977 cha ông có đăng ký kê khai nhà diện tích đất 80m^2, diện tích nhà 67m^2, năm 1986 cha ông chết không lập di chúc, đến năm 2000 mẹ ông chết cũng không lập di chúc. Đến năm 2009 ông nghe nói phần nhà phía trước bị giải tỏa một phần và được đền bù nên ông có đến gặp ông Th và bà X để yêu cầu chia tiền bồi thường, thì mới biết ông Th và bà X đã hợp thức hóa chủ quyền nhà và đã tặng cho nhà cho vợ chồng ông Trần NS và không đồng ý trích chia tiền cho ông. Vì vậy từ năm 2009 trở đi đến 2013 ông đã khởi kiện tranh chấp tại Tòa án nhân dân Quận 6 để yêu cầu chia tài sản chung căn nhà trên, nhưng do ông chưa cung cấp đầy đủ danh sách, địa chỉ các đồng thừa kế của cha mẹ ông nên chưa đủ điều kiện để thụ lý giải quyết vì vậy Tòa án đình chỉ. Ngoài ra qua tìm hiểu thủ tục hợp thức hóa chủ quyền nhà 51 đường H thì ông phát hiện có gian dối chỉnh sửa biên bản họp tổ dân phố và đóng mộc dấu của phường lên, nên năm 2012 ông có làm đơn gửi UBND Quận 6 khiếu nại việc cấp giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà cho ông Th bà X, sau đó nơi đây đã chuyển đơn qua cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết, cuối cùng thì nơi đây có kết luận là biên bản họp tổ dân phố là có thật, khiếu nại của ông là không có cơ sở vì cha ông không phải là chủ sở hữu nhà.Khoảng hai ba năm nay, ông đã làm đầy đủ các thủ tục cần thiết nên tháng 02/2015 ông đã nộp đơn khởi kiện ông Th bà X để tranh chấp quyền sở hữu tài sản của cha mẹ ông, tranh chấp chia tài sản chung và các tranh chấp khác.

Tại phiên tòa, bà Lê T H đại diện theo ủy quyền của ông Trần T yêu cầu :

- Xác định căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 là của cha mẹ ông là Trần Bá Tr và Nguyễn Thị Ng.

- Yêu cầu hủy giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 904/GP-UB ngày 12/12/1987 do UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần Th và bà Nguyễn X.

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nhà số 05649 /HĐTCH ngày 12/8/2003 do Phòng Công chứng số W,TPHCM công chứng giữa ông Trần Th và bà Nguyễn X với ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSHNỞ và QSDĐỞ số 3387/2003 ngày 19/12/2003 do UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP.

- Yêu cầu chia tài sản chung từ di sản thừa kế của ông Trần Bá Tr và Nguyễn Thị Ng chết để lại tại căn nhà trên (chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất 80m^2) theo qui định của pháp luật, vì kiến trúc xây dựng nhà là của ông Th bà X, không yêu cầu tranh chấp tiền bồi thường giải tỏa một phần phía trước nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6.

Ông Trần T thống nhất yêu cầu nói trên mà bà Lê T H đại diện theo ủy quyền của ông đã trình bày.

Bị đơn: ông Trần Th và bà Nguyễn X do ông Trần Duy Tr đại diện theo ủy quyền tại lời khai ở Tòa án đã trình bày :

Ông Trung xác nhận ông Trần T trình bày về quan hệ huyết thống với ông Trần Th là đúng. Nhưng về căn nhà 51 đường H, Phường 14 Quận 6 thì ông Trung xác định do cha mẹ ông là Trần Th và bà Nguyễn X mua đất của ông Tư H vào năm 1957 giá bao nhiêu không nhớ vì đã quá lâu và mua trả dần, không còn lưu giữ giấy tờ gì mà đất nầy thì ông Tư H được ông Lê Văn B chuyển nhượng lại trước đó. Nên sau khi mua đất thì ông Th và bà X bỏ tiền ra cất nhà và đưa cha mẹ và cho các chị em về ở chung và mở tiệm bán tạp hóa để nuôi sống cả gia đình vì thời điểm đó ông Trần Th là

Trưởng trạm điện lực Chánh Hưng, còn cha ông Th là ông Trần Bá Tr mất sức lao động vì bị tra tấn do thời gian trước đó bị Pháp bỏ tù ở Côn Đảo, còn bà Nguyễn Thị Ng là mẹ ông Th mất sức lao động. Sau một thời gian thì vợ chồng ông Th sinh các con và cũng ở tại đây. Cũng thời điểm đó trong nhà đông người ở, nên ông Th nói với ông Trần Bá Tr xin tách hộ khẩu cả gia đình để ông Th xin mua nhà giá rẽ theo diện công chức để cho cha mẹ và các chị em ở. Nhưng sau đó do ông Tr, ông Th đi lính chế độ cũ, bà B, bà Ph có chồng về quê, nên nhà chỉ còn cha mẹ, ông T và vợ chồng con cái ông Th ở nên ông Th thấy không cần thiết phải xin mua nhà nữa. Vừa sau giải phóng 1975 thì ông T cũng chuyển hộ khẩu về Cai Lậy, nên nhà chỉ còn cha mẹ ông Th và vợ chồng con cái ông Th ở.

Năm 1977 do kinh tế khó khăn nên ông Th đi làm ăn xa, thì trong đợt đăng ký kê khai nhà theo chủ trương của nhà nước, nên ở nhà ông Trần Bá Tr tự đăng ký kê khai nhà nên ông Th không biết. Năm 1986 thì cha ông Th là Trần Bá Tr chết. Năm 1987 nhà nước có chủ trương cho phép hợp thức hóa chủ quyền nhà, nên ông Th và bà X làm thủ tục hợp thức hóa nhà theo qui định của nhà nước và được cấp giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà vào cuối năm 1987. Đến năm 2000 thì mẹ ông Th là bà Nguyễn Thị Ng chết.

Trong qúa trình ở căn nhà nầy, do nhà xuống cấp nên từ năm 1988 đến 1998 ông Th và bà X xin phép xây dựng lại nhà, tháo bỏ vật liệu cũ và có kiến trúc xây dựng như hiện nay.

Năm 2002, 2003 do ông Th gặp rủi ro trong kinh doanh nên thất bại, do vậy ông Trần NS phải trang trải tiền cho ông Th trả nợ. Vì vậy năm 2003 vợ chồng ông Th và các con thống nhất tặng cho căn nhà nầy cho vợ chồng ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP. Năm 2008 ông S đi cứu trợ bị tai nạn nên đã chết, qua năm 2009 căn nhà nầy bị giải tỏa một phần sân phía trước và được bồi thường khoảng 900.000.000 đồng, bà Phượng đã giao cho ông Th và bà X quản lý. Cũng trong năm 2009 các đồng thừa kế của ông S gồm vợ con và cha mẹ đã thỏa thuận kê khai di sản thừa kế của ông S để lại trong đó có căn nhà 51 đường H, sau đó tặng cho lại căn nhà trên cho ông Th bà X và đã làm các thủ tục theo qui định của pháp luật, còn các di sản khác của ông S thì các đồng thừa kế của ông S hưởng. Hiện căn nhà nầy ngoài vợ chồng của ông Th và bà X ở, thì còn có vợ chồng ông Trần Duy Tr và bà Huỳnh TH và 02 con là Trần Thị KN và Trần DB ở. Còn tuy trong hộ khẩu có tên ông Trần Tr, bà Trần Thị T V, bà Trần Thị T H nhưng từ nhiều năm nay không có ở, không có đóng góp công sức gì nên không có liên quan gì trong vụ án nầy.

Qua yêu cầu của ông Trần T thì ông Trần Duy Tr đại diện theo ủy quyền của ông Trần Th và bà Nguyễn X không chấp nhận vì căn nhà 51 đường H không phải của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng, mà thuộc sở hữu của ông Trần Th và bà Nguyễn X. Đề nghị HĐXX bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Trần T. Trong lần hòa giải trước đây, vì muốn giữ tình cảm thân tộc trong gia đình và qua động viên của Tòa, nên ông đại diện anh em trong gia đình đồng ý hỗ trợ cho ông T 300.000.000 đồng nhưng với điều kiện ông T phải kết thúc việc tranh chấp nầy vì nhiều năm nay ông T kiện thưa liên tục khiến cha mẹ ông sức khỏe kém thì càng suy sụp vì tình cảm anh em sứt mẻ, nhưng đại diện của ông T thì yêu cầu thanh toán 700.000.000 đồng nhưng ông không chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay gia đình ông không đồng ý phụ giúp gì cho ông T. Tuy vậy, để thời gian sau nầy nếu như ông T có khó khăn và có nhờ gia đình ông giúp thì gia đình ông sẽ xem xét giúp đỡ sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị BP có đơn xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Tại bản tự khai ở Tòa án thì bà trình bày bà là vợ của ông Trần NS.Bà xác định căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 là của cha mẹ ông Trần NS tên Trần Th và bà Nguyễn X tặng cho vợ chồng bà vào năm 2003 và vợ chồng bà đã làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và được UBND Quận 6 cấp giấy chứng nhận do bà và ông S đứng tên. Năm 2008 ông S đi cứu trợ bị tai nạn nên đã chết, năm 2009 căn nhà nầy bị giải tỏa một phần sân phía trước và được bồi thường khoảng 900.000.000 đồng, bà đã giao lại cho cha mẹ ông S quản lý sử dụng. Cũng trong năm 2009 các đồng thừa kế của ông S gồm bà và các con và cha mẹ của ông S đã thỏa thuận kê khai di sản thừa kế của ông S để lại trong đó có căn nhà 51 đường H và thống nhất tặng cho lại căn nhà trên cho cha mẹ ông S là ông Th bà X và đã làm các thủ tục theo qui định của pháp luật, còn các di sản khác của ông S thì các đồng thừa kế của ông S hưởng. Vì vậy bà không còn liên quan gì về tài sản căn nhà trên.

- Ông Trần Ngọc Kh và bà Trần Ngọc TA có đơn xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Tại bản tự khai ở Tòa án đều thống nhất ý kiến đã trình bày của mẹ là bà Nguyễn Thị BP.

- Bà Trần KP có đơn xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Ph có mặt và trình bày: Về quan hệ huyết thống như trình bày của ông Trần T là đúng sự thật. Ngoài ra về căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 thì bà xác định là của cha mẹ bà vì khoảng năm 19 tuổi bà có ở chung với cha mẹ và các anh chi em, sau đó bà có chồng trước 1975 rồi về Cai Lậy ở đến nay. Từ khi cha mẹ chết thì năm nào ông Th bà X cũng làm đám giỗ tại nhà nầy và tất cả anh chị em con cháu cũng về hội tụ để dự đám giỗ, nhưng không ai có ý kiến gì về căn nhà nầy và khi cha mẹ chết không lập di chúc. Tại bản tự khai trước đây bà có trình bày là không yêu cầu chia, không có tranh chấp gì cả. Nhưng nay nếu như Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T chia kỷ phần tài sản chung cho các đồng thừa kế của ông Trinh bà Nguyệt về giá trị quyền sử dụng đất tại căn nhà trên thì bà cũng xin được nhận.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần B, gồm: ông Nguyễn A, ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn B có đơn xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Tại bản tự khai ở Tòa án đã trình bày : Về quan hệ huyết thống như trình bày của ông Trần T là đúng sự thật, bà Trần B là một trong các con của ông Trần Bá Tr và bà Nguyệt Thị Ng, bà B chết năm 1994. Về căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 thì các ông bà xác định là của cha mẹ bà Trần B tạo lập, nhưng các ông bà không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần DT gồm : bà Trần Thị TT, Trần Thụy TB, Trần Thụy TP xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử. Tại bản tự khai thì bà Tuyền, bà Bích, bà Phương đều khai nhận ông Trần DT là một trong các con của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng, ông Tr chết năm 2011, bà Lê Mỹ Nguyệt là mẹ của các bà chết năm 1995. Bà Tuyền, bà Bích, bà Phương không tranh chấp, không yêu cầu gì về di sản của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng.

Bà Trần Thụy TL1, bà Trần Thụy TL cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần DT thì tại các phiên hòa giải vắng mặt. Nhưng tại phiên tòa có mặt. Tại bản tự khai trước đây thì hai bà có trình bày là không yêu cầu chia, không có tranh chấp gì. Nhưng nay nếu như Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T chia kỷ phần tài sản chung cho các đồng thừa kế của ông Trinh bà Nguyệt về giá trị quyền sử dụng

đất căn nhà trên mà lẽ ra nếu như cha của hai bà còn sống cũng sẽ được hưởng, thì bà Linh và bà Loan cũng xin được nhận kỷ phần thừa kế của cha.

Đồng thừa kế của ông Trần TL2, gồm: bà Lê Ph, em Trần Thị D, em Trần Th do bà Phượng giám hộ, đại diện theo pháp luật xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử. Tại bản tự khai thì bà Phượng trình bày: bà là vợ của ông Trần TL2, bà và ông lam có 02 con là Trần Thị D và Trần Th, ông Lam chết năm 2014, ông Lam là con của ông Trần DT. Bà không có yêu cầu gì về di sản của cha mẹ ông Lam để lại.

Ông Trần Duy Tr cũng vừa là giám hộ đại diện theo pháp luật cho hai con là Trần Thị KN và Trần DB trình bày: trong thời gian ở tại căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 là nhà của ông Trần Th và bà Nguyễn X là cha mẹ của ông Trần Duy Tr thì ông Trung không có đóng góp công sức gì.

Bà Huỳnh TH xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử. Tại bản tự khai thì bà Hải trình bày bà là vợ của ông Trần Duy Tr. Từ khi bà và ông Trung cưới nhau thì bà về sống chung nhà của cha mẹ ông Trung tại số 51 đường H, Phường 14, Quận 6 đến nay, bà không có đóng góp công sức gì trong căn nhà nầy.

Ủy ban nhân dân Quận Y do ông Lê XT và bà Lưu Trầm Dạ Thảo đại diện trình bày:

Việc UBND Quận 6 cấp giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 904/GP-UB ngày 12/12/1987 cho ông Trần Th và bà Nguyễn X tại 51 đường H, Phường 14, Quận 6 trên cơ sở Quyết định số 244/QĐ-UB ngày 28/12/1981 của UBNDTP v/v ban hành qui định tạm thời về phân công, phân cấp quản lý nhà tại TPHCM, công văn 20297 ngày 31/12/1981 của Sở Nhà đất CTCCTP và công văn số 1350/UB ngày 14/5/1985 của UBNDTP.

Thành phần hồ sơ lưu trữ thể hiện: đơn xin hợp thức hóa chủ quyền nhà của ông Trần Th được UBND Phường 14 Quận 6 xác nhận ngày 21/11/1987, biên bản họp tổ dân phố được UBND Phường 14 Quận 6 xác nhận ngày 21/11/1987, biên bản xác minh chủ quyền nhà ngày 21/11/1987 của UBND Phường 14 Quận 6, phiếu trình số 36/PT-UB ngày 21/11/1987 của UBND Phường 14 Quận 6.

Năm 2003 UBND Quận 6 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3387/2003 cho ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP theo hợp đồng tặng cho nhà số 05649/HĐTCN ngày 12/8/2003 tại Phòng Công chứng số 02, đóng trước bạ ngày 21/8/2003. Năm 2008 ông Trần NS chết. Bà Nguyễn Thị BP và các đồng thừa kế đã lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế, trước bạ ngày 08/5/2009, cập nhật thay đổi tên sở hữu ngày 17/9/2009.

Cũng trong năm 2009, các đồng thừa kế của ông Trần NS đã lập thủ tục tặng cho ông Trần Th bà và bà Nguyễn X căn nhà trên, trước bạ ngày 08/12/2009, chưa cập nhật thay đổi tên chủ sở hữu do ông Th đã có đơn xin rút hồ sơ đã nộp.

Về đơn của ông Trần T tố cáo ông Trần Th giả mạo giấy tờ để hợp thức hóa chủ quyền nhà số 51 đường H, Phường 14, Quận 6 đã được cơ quan điều tra Công an Quận 6 kết luận là không đủ cơ sở, biên bản họp tổ dân phố xác nhận chủ quyền nhà là có thật theo báo cáo số 479/CV.CSĐT ngày 06/3/2013. Năm 2013, ông Trần T có đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà 51 đường H. Qua xem xét, UBND Quận 6 đã có văn bản phúc đáp số 4249/UBND-TNMT ngày 04/12/2013.

Nay qua đơn khởi kiện của ông Trần T yêu cầu hủy bỏ giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 904/GP-UB ngày 12/12/1987 mà UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần Th và bà Nguyễn X tại 51 đường H, Phường 14, Quận 6 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3387/2003 mà UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP thì UBND Quận 6 xác định đã ban hành các văn bản nói trên là theo đúng trình tự đúng thủ tục, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T, đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Trần T.

Phòng Công chứng số W, TPHCM xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Ngoài ra có gửi văn bản trình bày: Năm 2003, Phòng Công chứng số W,TPHCM có công chứng hợp đồng tặng cho nhà số 05649/HĐTCN ngày 12/8/2003 căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 giữa bên tặng cho là ông Trần Th và bà Nguyễn X với bên được tặng cho là ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP là đúng trình tự thủ tục, đúng qui định.

Tại Bản án sơ thẩm số 208/2016/DSST ngày 19/7/2016 của Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Xác định căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Th và bà Nguyễn X. Không phải là di sản của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng.

2/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 904/GP-UB ngày 12/12/1987 do UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần Th và bà Nguyễn X.

3/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nhà số 05649/HĐTCH ngày 12/8/2003 do Phòng Công chứng số W, TPHCM công chứng giữa ông Trần Th và bà Nguyễn X với ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP.

4/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSHNỞ và QSDĐỞ số 3387/2003 ngày 19/12/2003 do UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP.

5/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu chia tài sản chung từ di sản thừa kế của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng chết để lại: giá trị quyền sử dụng đất 80m^2 tại 51 đường H, Phường 14, Quận 6 mà ông Trần T cho rằng đó là di sản thừa kế của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng chết để lại chưa chia.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 01/8/2016, ông Trần T có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần T trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với quyết định của HĐXX tòa án sơ thẩm vì các lý do sau đây:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong việc thụ lý đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ngày 27/02/2015; theo nội dung đơn thể hiện ông T có tranh chấp bổ sung về số tiền bồi thường cho diện tích mặt tiền căn nhà số 51 đường H bị giải tỏa và phần đất phía sau nhà 51 đường H do con gái bị đơn là bà Trần Thị Tuyết Vân đang sử dụng, nhưng Tòa án sơ thẩm không ra thông báo cho nguyên đơn đóng tiền tạm ứng án phí để

thụ lý giải quyết. Tuy không thụ lý giải quyết nhưng Tòa án sơ thẩm lại đưa yêu cầu bổ sung của nguyên đơn vào phiên hòa giải và phần nhận định của bản án.

Nguồn gốc căn nhà là khoảng năm 1955 ông Trinh, bà Nguyệt thuê đất của ông B1 và tự cất căn nhà số 51 đường H, Phường 14 Quận 6 để vợ chồng con cái cùng ở, tiền thuê đất ông Trinh trả cho ông B1 đến năm 1968 thì ngưng. Điều này được thể hiện qua tờ kê khai nhà cửa năm 1977 là văn kiện do hội đồng chính phủ ban hành dùng để quản lý tất cả nhà cửa sau ngày giải phóng 30/4/1975 không có người ở, đất đai không có người trông coi xem như là vô chủ, người kê khai phải là chủ hộ được căn cứ vào tờ khai gia đình của chế độ cũ xác lập, văn kiện này không thể là giấy không có giá trị về mặt pháp lý. Trong tờ khai ông Trần Bá Tr đã kê khai kể từ năm 1955 gia đình đã sinh sống tại địa chỉ 51 đường H, không phải thuộc loại nhà đất vô chủ không có người trông coi, còn việc người kê khai thì hộ của Trần Th trước năm 1975 là hộ ở đậu và sau 30/4/1975 là hộ ghép thì không thể đứng tên kê khai nhà cửa.

Tờ khai gia đình chế độ cũ không thay thế được giấy tờ mua bán nhà đất, tuy nhiên chính quyền Sài Gòn ban hành tờ khai gia đình để quản lý người dân có sinh sống làm ăn tại địa phương, sau ngày giải phóng năm 1975 khi làm bất cứ hồ sơ gì đều được ủy ban quân quản thành phố yêu cầu phải có tờ khai gia đình cũ để đối chiếu. Do đó tờ khai gia đình chế độ cũ là rất quan trọng.

Tại hồ sơ xin hợp thức hóa nhà đất: Biên bản họp tổ dân phố chưa đủ tỷ lệ theo quy định để làm cơ sở pháp lý để thực hiện việc hợp thức hóa chủ quyền nhà. Trên phần ý kiến đóng góp có sửa và đóng dấu mộc lên, tại buổi họp tổ không có đại diện của Phường 14 tham dự.

Về biên bản xác minh chủ quyền nhà: Nhân viên nhà đất Phường 14 Bùi T H xác minh chủ quyền nhà bằng biên bản họp tổ dân phố và lý do xác nhận là hồ sơ chủ quyền bị thất lạc, đây cần được xem xét là hồ sơ không hợp lý.

Về ý kiến của tổ trưởng Phan Minh Hiển: Ông Hiển cho rằng cuộc họp tổ năm 1986 có nội dung là ông Th xin sửa chữa nhà chứ không phải xin hợp thức hóa nhà, các hộ dân đều biết rõ nhà này không phải của ông Th mua. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án sơ thẩm triệu tập ông Hiển nhưng không được tòa thực hiện.

Về cam kết tài sản chung chưa được phân chia: Tại bản tự khai của ông Th nguyên đơn nộp cho tòa ông Th có ghi rõ là: "Trần Th là con của bà Dương Thị Phụng và ông Nguyễn Văn Nghi, về mặt pháp lý thì ông Th và Trần T không có quan hệ pháp lý". Như vậy làm sao đưa ông Th vào biên bản để ký và ông Th đang là bị đơn nên ông Th sẽ không hợp tác.

Về số tiền đền bù giải tỏa đường Tân Hóa: Quyết định của Tòa án nhân dân Quận 6 cho rằng nguyên đơn không tranh chấp khoản tiền này nên không giải quyết là không đúng, trong đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu làm rõ khoản tiền này từ năm 2009 cho đến nay thì ai giữ? ở đâu?

Nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, tiến hành thẩm tra xác định cụ thể toàn bộ sự việc liên quan có trong hồ sơ vụ án tranh chấp.

- Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chúng tôi giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

- Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận Y trình bày: Giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Tòa sơ thẩm không xem xét giải quyết đơn yêu cầu của nguyên đơn nộp trước khi Tòa có quyết định đưa vụ án ra xét xử, không lập thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí phần yêu cầu này nhưng lại nhận định trong bản án và bác phần yêu cầu này, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 1 Điều 130, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi năm 2011.

Về mặt nội dung: Tòa án nhân dân Quận 6 không xác minh làm rõ ai là người thực sự mua căn nhà lá trên đất thuê và sau đó cất nhà tại 51 đường H, Quận 6 từ những năm 1955 sử dụng đến ngày giải phóng, được chế độ cũ cấp tờ khai gia đình trong đó ghi nhận ông Trần Bá Tr là chủ nhà. Tòa án cũng không làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của ông Th đồng thời đối chiếu với những chứng cứ, nhân chứng và đánh giá một cách toàn diện để tìm ra sự thật, thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của ông T và những người đồng thừa kế của ông Trinh, vi phạm Điều 85-Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011

Tòa án không xem xét chứng cứ là tờ kê khai nhà cửa năm 1977 do ông Trần Bá Tr chủ nhà đưa ra kê khai để làm rõ ai là người thực sự tạo lập căn nhà số 51 đường H Quận 6, không xác minh làm rõ trường hợp xét hợp thức hóa nhà của UBND Quận 6 đối với ông Th có đúng đối tượng, có đúng quy định pháp luật hay không mà chỉ căn cứ giấy phép hợp thức hóa nhà số 51 do UBND Quận 6 cấp cho ông Th, bà X từ đó công nhận ông Th, bà X là chủ sở hữu căn nhà số 51 đường H là trái quy định pháp luật về tố tụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2016/DS-ST ngày 19/07/2016 của Tòa án nhân dân Quận 6 đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về hình thức lẫn nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 130 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi năm 2011, việc thu thập chứng cứ và chứng minh vi phạm Điều 85 – Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi năm 2011. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần T, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 6, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thẩm quyền.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 51 đường H do Ông Th đã được ba là ông Trần Bá Tr hỗ trợ cho một số tiền cùng với tiền của ông tích cóp để mua vào năm 1957 từ ông Tư H, thời điểm năm 1960 thì ông Th bà X đã tự xây cất nhà lại không có giấy phép. Ngoại trừ lời trình bày của hai bên thì không có hồ sơ lưu trữ tại các cơ quan nhà nước để chứng minh nguồn gốc căn nhà. Về quá trình hợp thức hóa nhà đất là phù hợp quy định pháp luật, tại thời điểm đó không nhất định phải có giấy tờ, Uỷ ban nhân dân hợp thức hóa nhà trên cơ sở xác minh của địa phương và biên bản họp tổ dân phố.

Đối với ý kiến của nguyên đơn về bổ sung đơn khởi kiện: Có thể có một số nội dung nào đó trong bản ý kiến của nguyên đơn bổ sung khởi kiện. Tuy nhiên đó không phải là đơn bổ sung đơn khởi kiện, không đúng về hình thức. Chúng tôi đề nghị y án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên

tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Kháng cáo của ông T yêu cầu Tòa án hủy Bản án dân sự sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 208/2016/DS-ST ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân quận 6.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, sau khi thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm có: Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần B, gồm: Ông Nguyễn A, Ông Nguyễn Đ, Bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị C, Ông Nguyễn B, Bà Trần KP, Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần DT, gồm: Bà Trần Thụy TB, Bà Trần Thị Thanh, Bà Trần Thụy TP, Bà Trần Thụy TL, Bà Trần Thụy TL1, Đồng thừa kế của ông Trần TL2, gồm: Bà Lê Ph, Em Trần Thị D, Em Trần Th do bà Lê Ph giám hộ đại diện theo pháp luật, Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần NS, gồm: Bà Nguyễn Thị BP, Ông Trần Kh, Bà Trần Ngọc TA; Đại diện Phòng Công chứng số W, TPHCM; Bà Huỳnh TH có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Phía nguyên đơn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong việc thụ lý đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ngày 27/02/2015; theo nội dung đơn thể hiện ông T có tranh chấp bổ sung về số tiền bồi thường cho diện tích mặt tiền căn nhà số 51 đường H bị giải tỏa và phần đất phía sau nhà 51 đường H do con gái bị đơn là bà Trần Thị Tuyết Vân đang sử dụng, tuy nhiên Tòa án sơ thẩm không ra thông báo cho nguyên đơn đóng tiền tạm ứng án phí để thụ lý giải quyết. Tuy không thụ lý giải quyết nhưng Tòa án sơ thẩm lại đưa yêu cầu bổ sung của nguyên đơn vào phiên hòa giải và phần nhận định của bản án.

Qua nghiên cứu đơn ngày 27/02/2015 của ông Trần T cho thấy: Về hình thức có tên gọi là đơn yêu cầu; nội dung ghi ở tiêu đề là V/v yêu cầu định giá tài sản tại số 51 đường H – P14 – Q6. Tuy nhiên nội dung trong đơn lại yêu cầu Tòa án nhân dân xác định trên diện tích đất 100m^2 đã kê khai, hiện hữu có hai căn nhà, phần giải tỏa đường không tính vào, đề nghị Tòa án cho thành lập hội đồng thẩm định giá giá trị thực nhà đất tại địa chỉ 51 đường H, P14, Quận 6 để đúng với diện tích đất của cha ông T kê khai năm 1977.

Qua phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, không thể hiện nguyên đơn yêu cầu bổ sung hai quan hệ tranh chấp mà đại diện nguyên đơn đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm như trên.

Xét thấy, với hình thức đơn và nội dung đơn không tuân thủ Điều 164 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2011 nên không thể xác định đây là yêu cầu khởi kiện bổ sung, việc Tòa án sơ thẩm không ra thông báo cho nguyên đơn đóng tiền tạm ứng án phí để thụ lý giải quyết là phù hợp quy định pháp luật.

Phần nhận định của bản án từ dòng 39 đến dòng 37 có nội dung xác định lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. So sánh với biên bản phiên tòa sơ thẩm cho thấy nội dung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm và nhận định của Tòa án là hoàn toàn thống nhất. Ngoài những yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2015, Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung từ di sản thừa kế của ông Trần Bá Tr và Nguyễn Thị Ng chết để lại tại căn nhà trên đối với giá trị quyền sử dụng đất 80m2 theo quy định pháp luật. Không yêu cầu chia giá trị xây dựng vì kiến trúc xây dựng là của ông Th, bà X. Không yêu cầu tranh chấp tiền bồi thường giải tỏa một phần phía trước nhà 51 đường H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng tuy Tòa án sơ thẩm không thụ lý nhưng có nhận định giải quyết là không đúng thực tế quá trình xét xử ở cấp sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Tài liệu chứng cứ mà ông Trần T cung cấp có tờ khai gia đình do ông Trần Bá Tr là gia trưởng và tờ khai nhà cửa năm 1977 ông Trần Bá Tr đăng ký kê khai căn nhà 51 đường H diện tích đất 100m^2, diện tích nhà 67m^2. Ngoài các chứng cứ trên thì không có chứng cứ tài liệu nào khác. Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 367/TATP-TKT ngày 04/5/2017 gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 6, TPHCM để làm rõ nguồn gốc và quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất đang tranh chấp. Tại công văn trả lời số 549/VPĐK-CN06 ngày 14/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai TPHCM Chi nhánh Quận 6 có nội dung: Căn cứ phiếu trình số 36/PT-UB ngày 21/11/1987 trong hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 6 thì căn nhà số 51 đường H có nguồn gốc tự xây cất từ năm 1960 không giấy phép được nhân dân trong tổ xác nhận và đã được UBND Phường 14 đề xuất cho ông Trần Th được hợp thức hóa chủ quyền nhà theo công văn số 2029/7 ngày 31/12/1981 của Sở nhà đất Thành phố và công văn số 1350/UB ngày 14/05/1985 của UBND Thành phố. Cùng năm 1987, ông Trần Th và vợ là bà Nguyễn X đã được UBND Quận 6 cấp giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 904/GP-UB ngày 12/12/1987. Theo hồ sơ lưu trữ về cấp giấy phép Hợp thức hóa tại căn nhà trên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 6 không thấy lưu trữ Bản kê khai nhà cửa ngày 23/12/1977, Tờ khai gia đình ngày 07/4/1975 và Tờ khai gia đình năm 1976, Sổ mục kê ghi tên các chủ hộ.

Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng thủ tục hợp thức hóa chủ quyền nhà của ông Th bà X khai gian dối, không thật, biên bản họp tổ dân phố thì có cạo sửa rồi đóng mộc của UBND Phường đè lên: Xét thấy theo kết quả điều tra của Công an Quận 6 đã trả lời biên bản họp tổ dân phố là có thật, việc ông T cho rằng nhà 51 đường H là của cha mẹ ông T là không có cơ sở. Đại diện UBND Quận 6 trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng xác định việc cấp giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 904/GP-UB ngày 12/12/1987 cho ông Th, bà X, và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3387/2003 cho ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP theo đúng trình tự đúng thủ tục.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Dựa trên các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của ông Trần T, bà Trần KP, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần B thì không đủ căn cứ để xác định quyền sở hữu căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 là của ông Trinh, bà Nguyệt.

[3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về bản cam kết tài sản chung chưa được phân chia: Xét thấy Giấy xác nhận không đề ngày tháng 8/2011 có nội dung di sản của ông Trinh và bà Nguyệt để lại là căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 chưa chia không có xác nhận đầy đủ của các đồng thừa kế của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng theo quy định tại Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn cũng như lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Trần T không phải chịu án phí về yêu cầu chia tài sản chung theo qui định tại điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Đối với các yêu cầu về tranh chấp quyền sở hữu tài sản, về các yêu cầu khác, nguyên đơn được miễn án phí theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên xét thấy phía ông Trần T có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương rằng ông T thuộc diện gia đình liệt sĩ, hoàn cảnh có khó khăn, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông T theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên.

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 211, 212, 213 BLDS 2005; Khoản 7 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; điều 11, khoản 1, 4 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự:

Tuyên xử:

Y án sơ thẩm:

1/ Xác định căn nhà 51 đường H, Phường 14, Quận 6 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Th và bà Nguyễn X. Không phải là di sản của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng.

2/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 904/GP-UB ngày 12/12/1987 do UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần Th và bà Nguyễn X.

3/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nhà số 05649 /HĐTCH ngày 12/8/2003 do Phòng Công chứng số W,TPHCM công chứng giữa ông Trần Th và bà Nguyễn X với ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP.

4/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSHNỞ và QSDĐỞ số 3387/2003 ngày 19/12/2003 do UBND Quận 6 đã cấp cho ông Trần NS và bà Nguyễn Thị BP.

5/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu chia tài sản chung từ di sản thừa kế của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng chết để lại : giá trị quyền sử dụng đất 80m^2 tại 51 đường H, Phường 14, Quận 6 mà ông Trần T cho rằng đó là di sản thừa kế của ông Trần Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng chết để lại chưa chia.

6/ Án phí dân sự sơ thẩm :

- Miễn án phí cho ông Trần T.

- Ông Trần T được nhận lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AC/2012/07374 ngày 12/02/2015 và được nhận lại 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AC/2012/07375 ngày 12/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

7/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần T được nhận lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AD/2014/0003644 ngày 05/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Biện Thị Hoa